

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2018

*“V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con
chung giữa anh A và chị O”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy

2. Bà Vũ Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồ Thu-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến A, sinh năm 1994

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Q, tỉnh B

(Tại phiên tòa có mặt anh A, chị O vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị O tự nguyện tìm hiểu,

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh B vào ngày 13/7/2015. Quá trình vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, mỗi lần vợ chồng xô xát chị O thường bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở, anh đến tìm chị lại quay về, nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không giảm mà ngày càng căng thẳng. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do chị O có quan hệ với người đàn ông khác. Từ tháng 01 năm 2018, sau khi vợ chồng xô xát chị O tiếp tục về nhà bố mẹ đẻ, anh đã đến tìm nhiều lần nhưng lần này chị O không quay về, sau tết năm 2018, chị O đi làm ăn ở đâu không cho anh biết địa chỉ, nhưng thi thoảng chị O vẫn về gia đình bố mẹ đẻ. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, anh xin được ly hôn chị O.

Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Danh Tuấn K sinh ngày 04/5/2016, hiện đang ở với anh, từ khi chị O bỏ đi chị O không thăm nom, quan tâm gì đến con, anh vẫn chăm sóc con tốt, hiện tại anh làm nghề lái xe và buôn bán lợn, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng, vì vậy anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị O cấp dưỡng cho con.

Vợ chồng không có tài sản và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị O: Tòa án đã triệu tập nhưng chị O vắng mặt không có lý do, Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho gia đình chị O, nhưng chị O vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Kết quả xác minh với gia đình chị O, được gia đình chị O cung cấp: Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống và con chung như anh Nguyễn Tiến A trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo gia đình chị O, giữa anh A và chị O thường xuyên xảy ra xô xát, nguyên nhân do anh A hay đánh đập, chửi bới xúc phạm chị O và gia đình bên ngoài. Tháng 01/2018 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị O đã về gia đình bố mẹ đẻ ở rồi đi làm ăn; hiện tại chị O đi làm ăn tự do, hộ khẩu thường trú vẫn ở thôn V, xã Đ, huyện Q và thường xuyên liên lạc với gia đình hỏi thăm sức khỏe của bố mẹ và con nhưng không nói cho gia đình biết địa chỉ. Gia đình đã thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị O biết, chị O có ý kiến: Chị nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh A; nếu anh A xin nuôi con chị nhất trí, nếu anh A không nuôi chị xin nuôi con và không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con; vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vì lý do công việc, chị không thể về Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Qua xác minh với chính quyền địa phương xã Đ, huyện Q cho thấy: Thời gian vợ chồng anh A, chị O chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã, nhiều lần chị O bỏ về gia đình bố mẹ đẻ, anh A đến tìm chị lại quay về. Tổ hòa giải của thôn cũng đã đến hòa giải nhưng mâu thuẫn giữa anh chị vẫn ngày một tăng thêm; khoảng trước tết nguyên đán năm 2018 chị O đã về gia đình bố mẹ đẻ ở, sau đó đi làm ăn cho đến nay, thi thoảng mới về gia đình bố mẹ đẻ ở cùng xã, không về nhà anh A. Từ khi chị O bỏ đi, con chung ở với anh A, anh A vẫn chăm sóc cháu phát triển bình thường; hiện tại anh A làm nghề lái xe và buôn bán lợn tại địa phương, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt, do đó Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Tiến A được ly hôn chị Nguyễn Thị O; giao con chung Nguyễn Danh Tuấn K sinh ngày 04/5/2016 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, anh A không yêu cầu chị O cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết; anh Akhai vợ chồng không có tài sản chung, chị O vắng mặt, Tòa án không ghi được ý kiến chị O nên không xét; anh Aphải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Q tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiến A và chị Nguyễn Thị O xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh B cấp đăng ký kết hôn số 28 ngày 13/7/2015 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do anh A nghi ngờ chị O có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến cuộc sống chung của anh chị thường xuyên mâu thuẫn, nhiều lần xảy ra xô xát, cãi vã, chị O cũng đã nhiều lần bỏ về gia đình bố mẹ đẻ nhưng anh A đến tìm, vợ

chồng lại tiếp tục chung sống. Đầu năm 2018, mâu thuẫn căng thẳng, chị đã về gia đình bố mẹ đẻ ở, sau đó đi làm ăn đến nay không liên lạc với anh A. Nay anh A xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập chị O để tiến hành các thủ tục tố tụng và hòa giải nhưng chị O không có mặt để tham gia tố tụng, thông qua gia đình chị bày tỏ quan điểm nhất trí yêu cầu xin ly hôn của anh A và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A, xử cho anh A được ly hôn chị O là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Tiến A và chị Nguyễn Thị O có một con chung là cháu Nguyễn Danh Tuấn K sinh ngày 04/5/2016. Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của anh A thấy, mặc dù con chung dưới 36 tháng tuổi, nhưng từ tháng 01/2018 đến nay chị O bỏ đi không về thăm, không quan tâm đến con, hiện tại chị không có mặt tại địa phương. Kết quả xác minh với chính quyền địa phương cho thấy, anh A làm nghề lái xe và buôn bán tại địa phương, có thu nhập tương đối ổn định và có thời gian trông nom, chăm sóc con, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung và thực tế, từ khi chị O bỏ đi đến nay, anh A vẫn nuôi con phát triển bình thường. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh A, giao con chung cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con do anh A không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến A khai vợ chồng không có tài sản chung, quá trình giải quyết vụ án chị O vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của chị O nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Tiến A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tiến A và chị Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tiến A được ly hôn chị Nguyễn Thị O.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Tiến A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Danh Tuấn K sinh ngày 04/5/2016 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Tiến A không yêu cầu chị Nguyễn Thị O cấp dưỡng cho con, nên không giải quyết.

Chị Nguyễn Thị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003653 ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh B thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tiến A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Liên (đã ký)